

(Đề gồm 03 trang)

PHẦN I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

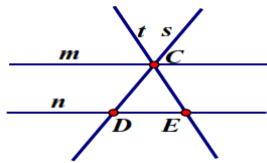
Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên x thoả mãn $\frac{-21}{7} \leq x \leq \frac{-21}{-7}$ là

- A. $\{-3; -2; -1; 0; 1; 2\}$ B. $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$ C. $\{-3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$ D. $\{0; 1; 2; 3\}$

Câu 2. Phân số lớn nhất trong các phân số $-29; \frac{2022}{2023}; \frac{1}{2}; \frac{2023}{2024}$ là:

- A. $\frac{2023}{2024}$ B. $\frac{2022}{2023}$ C. $\frac{1}{2}$ D. -29

Câu 3. Cho hình vẽ:



Số đường thẳng đi qua điểm C là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 4. Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số $\frac{5}{10}$?

- A. $\frac{5}{-10}$ B. $\frac{-5}{10}$ C. $\frac{-1}{-2}$ D. $\frac{10}{5}$

Câu 5. Trong một cuộc thi chạy 200m nữ, có ba vận động viên đạt thành tích cao nhất là Mai: 22,42 giây; Nga: 21,40 giây; Phương: 22,30 giây. Các vận động viên đã về Nhất, Nhì, Ba lần lượt là:

- A. Nga, Phương, Mai B. Mai, Phương, Nga C. Nga, Mai, Phương D. Mai, Nga, Phương

Phương

Câu 6. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số:

- A. $\frac{-7}{1,5}$ B. $\frac{-0}{2024}$ C. $\frac{20}{0}$ D. $\frac{2,5}{3}$

Câu 7. Đoạn thẳng AB có độ dài 12 cm, lấy điểm M là trung điểm AB. Độ dài đoạn MA là

- A. 6cm B. 12cm C. 24cm D. 3cm

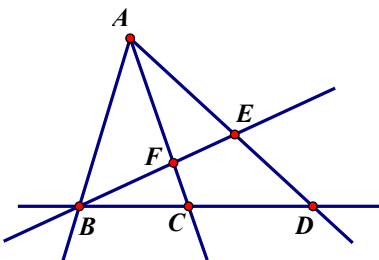
Câu 8. Kết quả của phép tính $\left(\frac{2024}{2023} - \frac{1}{2023} + 2022\right) \cdot \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3} - \frac{1}{6}\right) + 1$ là:

- A. 2023 B. 0 C. 1 D. 2024

Câu 9. Cho $x = -\frac{1}{2} + 0,3$. Giá trị của x là

- A. $\frac{-4}{5}$ B. $\frac{-1}{5}$ C. $\frac{1}{5}$ D. $\frac{4}{5}$

Câu 10. Trên hình vẽ sau có bao nhiêu bộ ba điểm thẳng hàng?

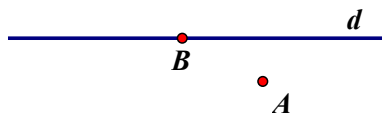


- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 11. Phân số $\frac{-12}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân là

- A. $-2\frac{2}{5}$ B. $2\frac{2}{5}$ C. 2,4 D. -2,4

Câu 12. Cho hình vẽ dưới đây, phát biểu nào sau đây **không** đúng ?



- A. Điểm B không thuộc đường thẳng d
 B. Điểm A không thuộc đường thẳng d
 C. Điểm B thuộc đường thẳng d, điểm A không thuộc đường thẳng d.
 D. Điểm B thuộc đường thẳng d

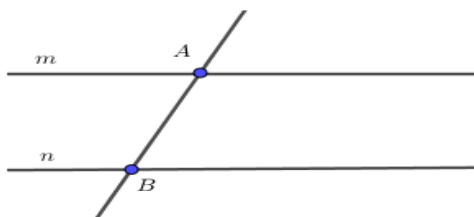
Câu 13. Các môn thể thao ưa thích của học sinh lớp 6 A ghi lại trong bảng sau:

Môn thể thao	Số bạn ưa thích
Cầu lông	8
Bóng bàn	3
Bóng đá	18
Đá cầu	4
Bóng rổ	6

Môn thể thao ưa thích nhất của học sinh lớp 6 A là

- A. Bóng đá. B. Bóng bàn. C. Đá cầu. D. Cầu lông.

Câu 14. Cho hình vẽ sau. Phát biểu nào dưới đây đúng?



- A. Ba đường thẳng đôi một song song.
 B. $m \parallel n, n \parallel AB, m$ cắt AB tại A .
 C. $m \parallel n, AB$ lần lượt cắt m và n tại A và B .
 D. Hai đường thẳng m và n cắt nhau tại A và B .

Câu 15. Lớp 6A có $\frac{5}{6}$ số học sinh thích học môn Toán, $\frac{4}{5}$ số học sinh thích học môn Ngữ Văn, $\frac{7}{10}$ số

học sinh thích môn Ngoại ngữ và $\frac{14}{15}$ số học sinh thích môn Hoạt động trải nghiệm. Môn học được các

bạn lớp 6A yêu thích nhất là

- A. Môn Toán B. Môn Ngữ Văn
 C. Môn Ngoại ngữ. D. Môn Hoạt động trải nghiệm

Câu 16. Kết quả của phép tính $2,8 + 7,2 : 4$ là

- A. 2,5 B. 31,6 C. 4,6 D. 40

Câu 17. Bạn Thiện cao 1,51m, bạn Hằng cao 1,46m. Bạn Thiện cao hơn bạn Hằng số mét là

- A. 0,05m B. -0,5m C. 0,5m D. -0,05m

Câu 18. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

- A. 1 B. 3 C. Vô số đường thẳng D. 2

Câu 19. Số nghịch đảo của $2\frac{4}{7}$ là:

- A. $-2\frac{4}{7}$ B. $\frac{7}{18}$ C. $\frac{18}{7}$ D. $\frac{7}{4}$

Câu 20. Dựa vào Bảng thống kê màu sắc yêu thích nhất của một nhóm học sinh

Màu sắc	Đỏ	Xanh da trời	Xanh lá cây	Vàng	Da cam	Hồng
Số lượng	3	6	2	3	5	4

Hãy cho biết: số màu được học sinh yêu thích nhiều hơn màu đỏ là

A. 18

B. 4

C. 3

D. 15

PHẦN II. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $202,4 - 202,3$







b) $\frac{21}{22} \cdot \frac{2023}{2024} + \frac{-1}{22} \cdot \frac{-2023}{2024} - 0,5$

Câu 2. (1,0 điểm) Tìm x , biết:

a) $2 \cdot x - 0,5 \cdot 0,4 = 0$

b) $\frac{4}{3} - \frac{1}{3}(x+1) = \frac{-4}{3} \cdot \frac{1}{4}$

Câu 3 (1,0 điểm) Biểu đồ tranh ở hình dưới cho biết số ô tô bán được của cửa hàng A trong 4 tháng cuối năm 2023.

Tháng	Số ô tô
9	
10	
11	
12	
 : 20 xe  : 10 xe	

a) Tháng 10 cửa hàng A bán được bao nhiêu chiếc xe?

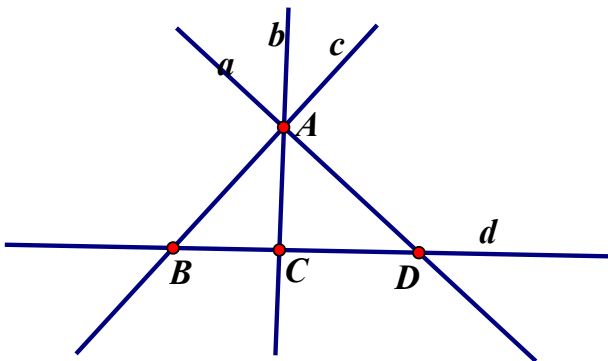
b) Tính tổng số xe của hàng A bán được trong 4 tháng cuối năm.

Câu 4 (1,5 điểm) Cho hình vẽ.

a) Điểm A thuộc đường thẳng nào? Không thuộc đường thẳng nào?

b) Tính độ dài của đoạn thẳng BD biết $BC = 2,1cm$; $CD = 2,8cm$.

c) Trên đường thẳng d lấy thêm 4 điểm phân biệt M, N, P, Q không trùng với điểm B, C, D. Có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng có thể vẽ được?



Câu 5 (0,5 điểm) So sánh hai biểu thức A và B biết:

$$A = \frac{1}{1.4} + \frac{2}{4.10} + \frac{3}{10.19} + \frac{4}{19.31} \text{ và } B = \frac{2}{1.5} + \frac{3}{5.11} + \frac{4}{11.19} + \frac{5}{19.29} + \frac{6}{29.41}$$

-----Hết-----

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

PHẦN I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

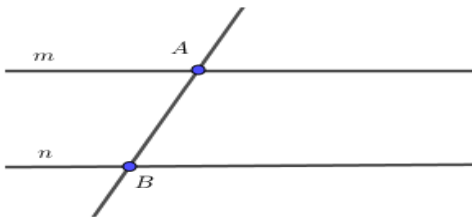
Câu 1. Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số $\frac{5}{10}$?

- A. $\frac{-5}{10}$ B. $\frac{5}{-10}$ C. $\frac{10}{5}$ D. $\frac{-1}{-2}$

Câu 2. Tập hợp các số tự nhiên x thoả mãn $\frac{-21}{7} \leq x \leq \frac{-21}{-7}$ là

- A. $\{-3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$ B. $\{0; 1; 2; 3\}$ C. $\{-3; -2; -1; 0; 1; 2\}$ D. $\{-2; -1; 0; 1; 2\}$

Câu 3. Cho hình vẽ sau. Phát biểu nào dưới đây đúng?

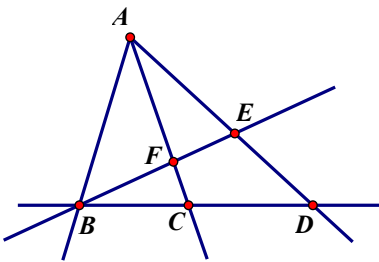


- A. Ba đường thẳng đôi một song song.
B. $m \parallel n, n \parallel AB, m$ cắt AB tại A .
C. Hai đường thẳng m và n cắt nhau tại A và B .
D. $m \parallel n, AB$ lần lượt cắt m và n tại A và B .

Câu 4. Kết quả của phép tính $\left(\frac{2024}{2023} - \frac{1}{2023} + 2022\right) \cdot \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3} - \frac{1}{6}\right) + 1$ là:

- A. 1 B. 2024 C. 0 D. 2023

Câu 5. Trên hình vẽ sau có bao nhiêu bộ ba điểm thẳng hàng?



- A. 3 B. 2 C. 5 D. 4

Câu 6. Cho $x = -\frac{1}{2} + 0,3$. Giá trị của x là

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{-1}{5}$ C. $\frac{1}{5}$ D. $\frac{-4}{5}$

Câu 7. Số nghịch đảo của $2\frac{4}{7}$ là:

- A. $\frac{7}{4}$ B. $\frac{18}{7}$ C. $-2\frac{4}{7}$ D. $\frac{7}{18}$

Câu 8. Các môn thể thao ưa thích của học sinh lớp 6 A ghi lại trong bảng sau:

Môn thể thao	Số bạn ưa thích
Cầu lông	8
Bóng bàn	3
Bóng đá	18
Đá cầu	4

Môn thể thao ưa thích nhất của học sinh lớp 6 A là

A. Bóng bàn.

B. Bóng đá.

C. Cầu lông.

D. Đá cầu.

Câu 9. Trong một cuộc thi chạy 200m nữ, có ba vận động viên đạt thành tích cao nhất là Mai: 22,42 giây; Nga: 21,40 giây; Phương: 22,30 giây. Các vận động viên đã về Nhất, Nhì, Ba lần lượt là:

A. Nga, Phương, Mai

B. Nga, Mai, Phương

C. Mai, Nga, Phương

D. Mai, Phương, Nga

Câu 10. Dựa vào Bảng thống kê màu sắc yêu thích nhất của một nhóm học sinh

Màu sắc	Đỏ	Xanh da trời	Xanh lá cây	Vàng	Da cam	Hồng
Số lượng	3	6	2	3	5	4

Hãy cho biết: số màu được học sinh yêu thích nhiều hơn màu đỏ là

A. 3

B. 18

C. 15

D. 4

Câu 11. Phân số $\frac{-12}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân là

A. 2,4

B. -2,4

C. $2\frac{2}{5}$

D. $-2\frac{2}{5}$

Câu 12. Kết quả của phép tính $2,8 + 7,2 : 4$ là

A. 4,6

B. 2,5

C. 31,6

D. 40

Câu 13. Phân số lớn nhất trong các phân số $-29; \frac{2022}{2023}; \frac{1}{2}; \frac{2023}{2024}$ là:

A. -29

B. $\frac{2022}{2023}$

C. $\frac{2023}{2024}$

D. $\frac{1}{2}$

Câu 14. Lớp 6A có $\frac{5}{6}$ số học sinh thích học môn Toán, $\frac{4}{5}$ số học sinh thích học môn Ngữ Văn, $\frac{7}{10}$ số học sinh thích môn Ngoại ngữ và $\frac{14}{15}$ số học sinh thích môn Hoạt động trải nghiệm. Môn học được các bạn lớp

6A yêu thích nhất là

A. Môn Ngữ Văn

B. Môn Hoạt động trải nghiệm

C. Môn Ngoại ngữ.

D. Môn Toán

Câu 15. Đoạn thẳng AB có độ dài 12 cm, lấy điểm M là trung điểm AB . Độ dài đoạn MA là

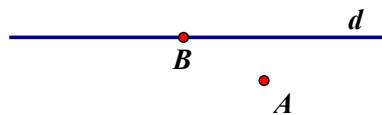
A. 12cm

B. 24cm

C. 6cm

D. 3cm

Câu 16. Cho hình vẽ dưới đây, phát biểu nào sau đây **không** đúng ?



A. Điểm B thuộc đường thẳng d , điểm A không thuộc đường thẳng d .

B. Điểm B không thuộc đường thẳng d

C. Điểm A không thuộc đường thẳng d

D. Điểm B thuộc đường thẳng d

Câu 17. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

A. 2

B. Vô số đường thẳng

C. 1

D. 3

Câu 18. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số:

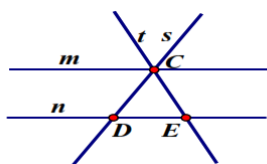
A. $\frac{2,5}{3}$

B. $\frac{20}{0}$

C. $\frac{-7}{1,5}$

D. $\frac{-0}{2024}$

Câu 19. Cho hình vẽ:



Số đường thẳng đi qua điểm C là

A. 4.

B. 1.

C. 2.

D. 3.

Câu 20. Bạn Thiện cao 1,51m, bạn Hằng cao 1,46m. Bạn Thiện cao hơn bạn Hằng số mét là

A. 0,5m

B. 0,05m

C. -0,5m

D. -0,05m

PHẦN II. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Câu 1. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $202,4 - 202,3$







b) $\frac{21}{22} \cdot \frac{2023}{2024} + \frac{-1}{22} \cdot \frac{-2023}{2024} - 0,5$

Câu 2. (1,0 điểm) Tìm x , biết:

a) $2 \cdot x - 0,5 \cdot 0,4 = 0$

b) $\frac{4}{3} - \frac{1}{3}(x+1) = \frac{-4}{3} \cdot \frac{1}{4}$

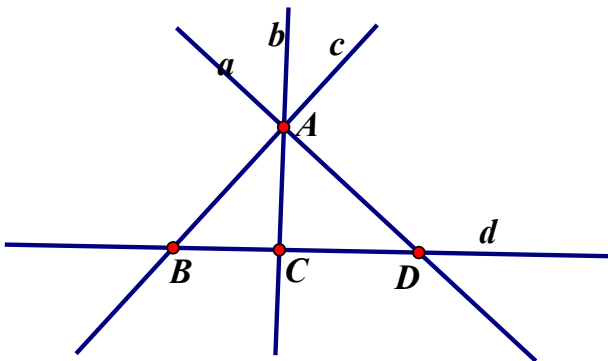
Câu 3 (1,0 điểm) Biểu đồ tranh ở hình dưới cho biết số ô tô bán được của cửa hàng A trong 4 tháng cuối năm 2023.

Tháng	Số ô tô
9	
10	
11	
12	
 : 20 xe  : 10 xe	

- a) Tháng 10 cửa hàng A bán được bao nhiêu chiếc xe?
 b) Tính tổng số xe cửa hàng A bán được trong 4 tháng cuối năm.

Câu 4 (1,5 điểm) Cho hình vẽ.

- a) Điểm A thuộc đường thẳng nào? Không thuộc đường thẳng nào?
 b) Tính độ dài của đoạn thẳng BD biết $BC = 2,1cm$; $CD = 2,8cm$.
 c) Trên đường thẳng d lấy thêm 4 điểm phân biệt M, N, P, Q không trùng với điểm B, C, D. Có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng có thể vẽ được?



Câu 5 (0,5 điểm) So sánh hai biểu thức A và B biết:

$$A = \frac{1}{1.4} + \frac{2}{4.10} + \frac{3}{10.19} + \frac{4}{19.31} \quad \text{và} \quad B = \frac{2}{1.5} + \frac{3}{5.11} + \frac{4}{11.19} + \frac{5}{19.29} + \frac{6}{29.41}$$

-----Hết-----

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm; mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đề 601	D	A	A	C	A	B	A	C	B	C
Đề 602	D	B	D	A	D	B	D	B	A	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đề 601	C	A	A	C	D	C	A	A	B	C
Đề 602	A	A	C	B	C	B	C	D	D	B

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	a) $202,4 - 202,3 = 0,1$	0,5 đ
	b) $\frac{21}{22} \cdot \frac{2023}{2024} + \frac{-1}{22} \cdot \frac{-2023}{2024} - 0,5$ $= \frac{21}{22} \cdot \frac{2023}{2024} + \frac{1}{22} \cdot \frac{2023}{2024} - \frac{1}{2}$	0,25 đ
	$= \frac{2023}{2024} \left(\frac{21}{22} + \frac{1}{22} \right) - \frac{1012}{2024}$ $= \frac{2023}{2024} - \frac{1012}{2024}$ $= \frac{1011}{2024}$	0,25 đ
2 (1,5 điểm)	a) $2x - 0,5 \cdot 0,4 = 0$ $2x - 0,2 = 0$ $2x = 0,2$	0,25 đ
	$x = 0,2 : 2$ $x = 0,1$ KL:	0,25 đ
	b) $\frac{4}{3} - \frac{1}{3}(x+1) = \frac{-4}{3} \cdot \frac{1}{4}$ $\frac{4}{3} - \frac{1}{3}(x+1) = \frac{-1}{3}$	0,25 đ
	$\frac{1}{3}(x+1) = \frac{4}{3} - \frac{-1}{3}$ $\frac{1}{3}(x+1) = \frac{5}{3}$ $x+1 = 5$ $x = 4$ KL:	0,25 đ

1. Bài làm của học sinh phải chi tiết, lập luận chặt chẽ, hợp logic, tính toán chính xác mới được điểm tối đa.
2. Với các cách giải đúng nhưng khác đáp án, tổ chấm trao đổi và thống nhất điểm chi tiết (đến 0,25 điểm) nhưng không được vượt quá số điểm dành cho bài hoặc phần đó. Trong trường hợp sai sót nhỏ có thể cho điểm nhưng phải trừ điểm chỗ sai đó.
3. Với Câu 4 học sinh không vẽ hình vẫn cho điểm tối đa.
4. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình chấm phải được trao đổi trong tổ chấm và chỉ cho điểm theo sự thống nhất của cả tổ.
5. Điểm toàn bài là tổng số điểm các phần đã chấm, làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất.